TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH LỢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 9– 2021.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Trang Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Ông Phạm Văn Sáu

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2021/TLST –HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **A**, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Chị **B**, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 4 năm 2021, và bản tự khai nguyên đơn anh A trình bày: Vào năm 2008, anh Avà chị B tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Đến năm 2010, anh Avà chị B đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 87/2010 ngày 31 tháng 5 năm 2010.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi cưới, anh Avà chị B sống hạnh phúc đến ngày 08 tháng 9 năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Từ đó, anh Avà chị B sống ly thân đến nay và không có cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh A yêu cầu ly hôn với chị B.

Về con chung: Anh A và chị B có hai người con chung tên T sinh ngày 18 tháng 8 năm 2009 và H sinh ngày 30 tháng 6 năm 2015, hiện hai cháu đang sống với chị B, khi ly hôn anh A đồng ý giao cháu Tuyền và cháu An cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh A đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh A xác định anh Avà chị B không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử, bị đơn chị B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần Bng vắng mặt, Tòa án có đến nhà của chị B Bng không gặp chị B nên không có lời khai của chị B. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do anh A cung cấp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh A đối với chị B, xử cho anh A ly hôn với chị B; giao cháu T sinh ngày 18 tháng 8 năm 2009 và cháu H sinh ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho chị B tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận sự tự nguyện của anh A về cấp dưỡng nuôi con, buộc anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T sinh ngày 18 tháng 8 năm 2009 và cháu H sinh ngày 30 tháng 6 năm 2015, hai cháu mỗi tháng 1.600.000 đồng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung, anh A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Anh A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Anh A nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với chị B. Khi khởi kiện, chị B có địa chỉ ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị B đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án Bng vắng mặt không có lý do, anh A có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nam, chị B theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh A và chị B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số

87/2010 ngày 31 tháng 5 năm 2010 nên hôn nhân giữa anh Avà chị B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Anh A xác định trong thời gian chung sống, giữa anh A và chị B phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ ngày 08 tháng 9 năm 2019, anh A với chị B đã sống ly thân đến nay, sau khi ly thân anh A không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 09 tháng 9 năm 2021, ông Ng và bà Th là cha mẹ ruột của chị B xác định sau khi anh Avà chị B sống ly thân thì hai bên gia đình không gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh Avới chị B. Quá trình giải quyết vụ án, chị B biết anh A yêu cầu ly hôn với chị B Nhưng chị B không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của anh Nam. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa anh A và chị B đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh A yêu cầu được ly hôn với chị B là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xử cho anh A ly hôn với chị B.

[5] Về con chung: Anh Avà chị B có hai người con chung là cháu T sinh ngày 18 tháng 8 năm 2009 và cháu H sinh ngày 30 tháng 6 năm 2015. Khi ly hôn, anh A đồng ý giao con cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Theo biên bản xác minh ngày 09 tháng 9 năm 2021, ông Ng và bà Ng xác định cháu T và cháu H đang sống chung với chị B tại nhà của ông bà, cuộc sống của hai cháu tốt, phát triển bình thường và hai cháu đang đi học. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Tuyền, thể hiện cháu Tuyền có nguyện vọng sống chung với chị B. Do vậy, tiếp tục giao cháu T và cháu H cho chị B tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh A tự nguyện cấp dưỡng cho cháu T và cháu H theo theo quy định của pháp luật. Căn cứ quy định khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Avề cấp dưỡng nuôi con, buộc anh Acấp dưỡng cho cháu T và cháu H, mỗi cháu mỗi tháng 800.000 đồng đến khi cháu T và cháu H đều đủ 18 tuổi.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Anh A xác định không có tài sản chung và nợ chung trong quá trình chung sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Án phí sơ thẩm dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, anh A phải chịu 300.000 đồng và án phí về cấp dưỡng 300.000 đồng. Anh Ađã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0000611 ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi được chuyển thu án phí, anh A còn phải nộp số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

[9] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, các Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh A đối với chị B. Xử cho anh A được ly hôn với chị B.

2. Về con chung: Giao cháu T, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2009 và cháu H, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho chị B tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy, giáo dục; (cháu T và cháu H đang sống chung với chị B).

Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh A đối với chị B về cấp dưỡng nuôi con. Buộc anh A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2009 và cháu H, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2015, mỗi cháu số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng)/tháng.

Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2021 cho đến khi cháu T , sinh ngày 18 tháng 8 năm 2009 và cháu H, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2015 đều đủ 18 (mười tám) tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Anh A không yêu cầu giải quyết do anh A xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

5. Án phí sơ thẩm dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, anh A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí về cấp dưỡng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0000611 ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi được chuyển thu án phí, anh A còn phải nộp số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện Vĩnh Lợi (1b);
- Chi Cục THADS huyện Vĩnh Lợi (1b);
- UBND xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ (1b); VP (3b).

Ngô Trang Thảo